

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 12- 2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kiều Công Ích và bà Vương Thị Thu

- **Thư ký phiên toà:** Bà Đinh Thị Thu Hậu – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba: bà Hoàng Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 119/2023/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐST- HNGĐ ngày 07/12/2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Bàn Thị H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

+ Bị đơn: Dương Đình T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu Đ, xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Hiện đang cải tạo tại phân trại 3, trại giam T – Cục C10, Bộ Công an (chị H, anh T đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu bổ sung, trong quá trình giải quyết vụ án chị Bàn Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Đình T kết hôn với nhau ngày 26/7/2013. Khi kết hôn, hai bên có được tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T nghiện hút ma túy, có đánh chửi chị. Hiện nay anh T đang phải chấp hành án phạt tù. Chị xác định tình cảm không còn, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Dương Duy P, sinh ngày 08/02/2014 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 16/6/2015. Tại phiên hòa giải ngày 26/10/2023, chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thu, để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Sau đó, chị H có quan điểm xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Dương Anh T trình bày [BL 30, 33]:

Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 26/7/2013. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng anh T cho rằng đó là mâu thuẫn trong sinh hoạt hàng ngày, không lớn chưa đến mức phải ly hôn. Từ ngày 01/8/2021, chị H đã tự ý mang theo cháu anh T bỏ nhà đi. Anh không biết chị H đi đâu, làm gì. Vợ chồng sống ly thân cho đến ngày 03/7/2022 thì anh T bị bắt tạm giam do vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành hình phạt tù. Nay chị H xin ly hôn, anh T không nhất trí ly hôn, anh xin được đoàn tụ.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung như chị H đã trình bày. Nếu li hôn đặt ra, anh T xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian anh đang cải tạo, anh nhờ bố mẹ anh sẽ thay anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung. Tuy nhiên chị H không đề nghị giải quyết nên anh T cũng nhất trí không đề nghị giải quyết về tài sản.

Về công nợ chung, công sức, ruộng đất nông nghiệp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật;

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn anh Dương Đình T.

+ Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là cháu Dương Duy P, sinh ngày 08/02/2014 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 16/6/2015; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản (công nợ), công sức: không yêu cầu tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Bàn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp xin ly hôn giữa chị Bàn Thị H và anh Dương Đình T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh T có hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt), anh Trung vắng mặt lần thứ hai (không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt), HĐXX căn cứ Khoản 1, 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Bàn Thị H và anh Dương Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N (nay là xã Q), huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 26/7/2013 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chị H và anh T đã nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Anh T cũng thừa nhận kể từ ngày 01/8/2021 chị H đã mang theo con bỏ nhà đi, không chung sống cùng anh nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Hiện nay anh T đang phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lập. Có thể thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù anh T có nguyện vọng xin được đoàn tụ nhưng anh T cũng không đưa ra giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị H vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh T. Xét nên xử cho chị H ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Dương Duy P, sinh ngày 08/02/2014 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 16/6/2015.

Chị H và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét về điều kiện nuôi con: hiện nay anh T đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lập, không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Anh T cho rằng trong thời gian anh đi cải tạo, anh sẽ nhờ bố mẹ anh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Đề nghị này của anh T là không phù hợp bởi lẽ, chị H là lao động tự do, vẫn đang có điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con. Các con vẫn đang ở chung với chị H và đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để đảm bảo cho các cháu có điều kiện về học tập, sinh sống cũng như tránh các xáo trộn về tâm lý.

Sau này anh T trở về địa phương, có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con chung và có đề nghị sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ việc khác.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về công nợ (nghĩa vụ chung về tài sản), công sức: chị H và anh T đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; Điểm a Khoản 1, khoản 2 Điều 227, Khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điểm a, b Khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị H được ly hôn anh Dương Đình T.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Bàn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là cháu Dương Duy P, sinh ngày 08/02/2014 và cháu Dương Anh T, sinh ngày 16/6/2015 kể từ ngày 28/12/2023 cho đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Chị Bàn Thị H có nghĩa vụ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020 0003801 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Chị H và anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh PT
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS h T;
- UBND xã Q.
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan

